TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **200**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/04/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Văn Phó**

Ông **Võ Văn Dũng**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Ông **Lữ Văn Thới** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 779/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Đăng Văn V**, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Võ Thị T,** sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*******Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đăng Văn V trình bày*:

Ông và bà T cưới nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 5 năm nay thì có nhiều mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, cách nuôi dạy con, cách cư xử lẫn nhau, cuộc sống không hòa thuận, không sống chung với nhau được nữa nên tháng 7/2018 đã sống ly thân cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 03 con chung là Đặng Thị Mộng D, sinh ngày 24/10/1985 (đã trưởng thành); Đặng Thị Thùy T1, sinh ngày 23/8/1992 (đã

trưởng thành) và Đặng Võ Tấn Đ, sinh ngày 11/10/2002. Ông yêu cầu bà T nuôi cháu Đ, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng.

- Về tài sản chung: Yêu cầu chia chiếc xe máy Sirius biển số 63B3-249.68 do ông đứng tên chủ xe có trị giá khoảng 15.000.000đồng. Các tài sản khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

**Tại bản tự khai ngày 08/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị T trình bày*:

Bà và ông V cưới nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống rất hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây (khoảng 2 năm), ông V hay đi làm sớm về muộn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Ông V còn có biểu hiện bất thường với người phụ nữ khác, bà đã 2 lần bắt gặp ông V và người phụ nữ đó đi ra từ nhà trọ, do ghen nên bà có cự cãi với ông V, từ đó vợ chồng hay mâu thuẫn, cự cãi và chửi nhau. Ông V tự sống ly thân với bà từ tháng 7/2018 đến nay. Bà con thương yêu ông V, gia đình cần có trụ cột trong nhà và bà chấp nhận tha thứ hết cho ông V nên nay bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung là Đặng Thị Mộng D, sinh ngày 24/10/1985 (đã trưởng thành); Đặng Thị Thùy T1, sinh ngày 23/8/1992 (đã trưởng thành) và Đặng Võ Tấn Đ, sinh ngày 11/10/2002. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Đ, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

- Tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung gồm nhà, đất, nhà trọ và tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện CT 200.000.000đồng, tất cả do ông V đứng tên thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số 63B3-249.68 do ông V đứng tên nếu Tòa án cho ông V ly hôn thì đồng ý chia cho ông V.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông V và bà T vẫn giữ yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án: đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đăng Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: ông Đăng Văn V và bà Võ Thị T cưới nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống của ông bà trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo ông V trình bày tại phiên tòa thì vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, bà T đã nhiều lần xúc phạm ông nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Ông có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chỉ nói chuyện và uống nước chứ không có sống chung. Việc đi nhà nghỉ là có nhưng chỉ gặp để nói chuyện và sự việc xảy ra đã lâu, nay không còn nữa. Ông và bà T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông cương quyết ly hôn với bà T.

Theo bà T thì ông V thay đổi tính tình, quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã 02 lần bắt gặp, lần đầu thì bà ngồi ngoài cổng nhà nghỉ chờ khoảng 02 tiếng mới thấy ông V và người phụ nữ đó đi ra, lần hai là mới đây (tháng 11/2018), do ghen tuông nên bà có những lời lẽ không hay với ông V nhưng sau đó bà chấp nhận bỏ qua hết cho ông V và nay không đồng ý ly hôn.

Xét, theo trình bày của ông V và bà T thì thấy rằng bà T có xúc phạm ông V nhưng nguyên nhân là do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã khuyên can đủ điều và gia đình cũng có khuyên can, ông V cũng hứa hẹn nhưng ông vẫn không thay đổi, từ đó bà T bắt gặp và ghen tuông nên mới có những lời lẽ không hay, sau này thì bà không có nữa.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông V và bà T xuất phát là do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác. Việc ông V có quan hệ với người phụ nữ khác là đã thể hiện sự không chung thủy, ông và bà T còn sống chung nhà nhưng ông V tự sống ly thân với bà T để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung và xin ly hôn. Bà T tha thiết ông V rút đơn đoàn tụ để cùng chăm sóc con cháu, bà còn thương yêu ông V và hứa không có những lời lẽ xúc phạm ông V nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng lý do xin ly hôn của ông V không chính đáng, mâu thuẫn giữa ông và bà T chưa đến mức trầm trọng, có khả năng hàn gắn, đồng thời để tạo thời gian cho hai bên sửa chữa sai lầm, khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.

[2] *Về con chung*: Do không chấp nhận yêu cầu của ông V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung và về nợ chung*: Do không chấp nhận yêu cầu của ông V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ NGhị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đăng Văn V về việc xin ly hôn với bà Võ Thị T.

2**.** *Về án phí:* Ông Đăng Văn V chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0009116 ngày 14/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Ông V, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện CT;
-Chi cục THADS huyện CT;
-Các đương sự;
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảnh